ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1106 /QĐ-SYT	*Đồng Nai, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Tam Phước - Chi nhánh Long Khánh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa; cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa;

Căn cứ Biên bản thẩm định điều chỉnh Giấy phép hoạt động (bổ sung chuyên khoa, danh mục kỹ thuật chuyên môn) đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Tam Phước - Chi nhánh Long Khánh ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Đoàn thẩm định Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Tam Phước - Chi nhánh Long Khánh (Số 2532/ĐNAI-GPHĐ), cụ thể như sau:

1. Địa chỉ hoạt động sau điều chỉnh: Số 421, đường Hồ Thị Hương, khu phố 9, phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai.

2. Thời gian hoạt động: 07 giờ 00 - 20 giờ 00 Từ Thứ Hai đến Chủ Nhật.

3. Phê duyệt bổ sung quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn: thêm 02 chuyên khoa Mắt và Da Liễu.

- Quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn trước điều chỉnh: Nội khoa, Ngoại khoa, Phụ sản, Nhi khoa, Tai Mũi Họng, Răng hàm Mặt, Y học cổ truyền, Bộ phận Xét nghiệm và Bộ phận chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm, X-Quang, CT Scanner, Nội soi tiêu hoá).

- Quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn sau điều chỉnh: Nội khoa, Ngoại khoa, Phụ sản, Nhi khoa, Tai Mũi Họng, Răng hàm Mặt, Y học cổ truyền, Mắt, Da Liễu, Bộ phận Xét nghiệm và Bộ phận chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm, X-Quang, CT Scanner, Nội soi tiêu hoá).

4. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn: thêm 53 kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phải đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

- Danh mục kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở quy định tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục QLKCB - BYT (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- BHXH thành phố;
- UBND phường Long Khánh;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV.

(BS Lâm)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN BỔ SUNG
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ TAM PHƯỚC - CHI NHÁNH LONG KHÁNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đồng Nai)

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	2.254	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có dùng thuốc tiền mê
2	2.260	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê
3	2.262	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết
4	2.267	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - cắt gắp bã thức ăn dạ dày
5	2.290	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa
6	2.295	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1 cm
7	2.296	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp
8	2.299	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng dải tần hẹp (NBi)
9	2.300	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBi)
10	2.304	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết
11	2.305	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
12	2.307	02. NỘI KHOA	Nội soi đại tràng sigma có sinh thiết
13	2.309	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết
14	2.285	02. NỘI KHOA	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu
15	5.43	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)
16	5.71	05. DA LIỄU	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da
17	5.74	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh rám má bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
18	5.75	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
19	5.76	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
20	5.79	05. DA LIỄU	Điều trị dãn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
			kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
21	5.80	05. DA LIỄU	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
22	5.100	05. DA LIỄU	Trẻ hóa da bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giầu tiểu cầu (PRP)
23	14.112	14. MẮT	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
24	14.166	14. MẮT	Lấy dị vật giác mạc sâu
25	14.167	14. MẮT	Cắt bỏ chắp có bọc
26	14.168	14. MẮT	Khâu cò mi, tháo cò
27	14.169	14. MẮT	Trích dẫn lưu túi lệ
28	14.171	14. MẮT	Khâu da mi đơn giản
29	14.172	14. MẮT	Khâu phục hồi bờ mi
30	14.174	14. MẮT	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
31	14.192	14. MẮT	Cắt chỉ khâu giác mạc
32	14.193	14. MẮT	Tiêm dưới kết mạc
33	14.197	14. MẮT	Bơm thông lệ đạo
34	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
35	14.202	14. MẮT	Lấy calci kết mạc
36	14.203	14. MẮT	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
37	14.204	14. MẮT	Cắt chỉ khâu kết mạc
38	14.205	14. MẮT	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
39	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo
40	14.207	14. MẮT	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
41	14.208	14. MẮT	Thay băng vô khuẩn
42	14.209	14. MẮT	Tra thuốc nhỏ mắt
43	14.210	14. MẮT	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
44	14.211	14. MẮT	Rửa cùng đồ
45	14.212	14. MẮT	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
46	14.213	14. MẮT	Bóc sợi giác mạc
47	14.214	14. MẮT	Bóc giả mạc
48	14.215	14. MẮT	Rạch áp xe mi
49	14.216	14. MẮT	Rạch áp xe túi lệ
50	14.218	14. MẮT	Soi đáy mắt trực tiếp
51	14.223	14. MẮT	Khám lâm sàng mắt
52	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
53	14.261	14. MẮT	Thử kính

** Tổng số kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt:* ***53*** *kỹ thuật.*